

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2017/HSPT
Ngày 13/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Nhiên;
- Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2017/HSPT ngày 31/10/2017 đối với bị cáo Lương Thị M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 23/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị cáo có kháng cáo: Lương Thị M,** sinh năm 1976

Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Đ, tỉnh Lạng Sơn.

ĐKNKTT: thôn TT, xã TH, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trình độ văn hoá: Lớp 6/12. Đảng; Đoàn thể: Không;

Bố đẻ: Lương Đình C (đã chết);

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1941;

Chồng: Lộc Văn P, sinh năm 1971 (đã chết);

Con: Có 04 con (con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2005);

Anh chị em ruột: Có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 04;

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Lý Thị D, sinh năm 1962

Trú quán: thôn C, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1994

Trú tại: thôn C, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978

Trú tại: thôn ĐC, xã TH1, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Lương Thị T, sinh năm 1971

Trú tại: thôn D 1, xã HS, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 72/KSĐT ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và bản án hình sự sơ thẩm 69/2017/HSST ngày 23/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 27/9/2016, M đến nhà bà D ở thôn C, xã KL, huyện L. Tại nhà của bà D, M đã hỏi mượn xe mô tô của bà D để đi sắm lễ chuẩn bị cho “buổi hầu” vào ngày 30/9/2016 tại Đền KB (tỉnh Hải Dương). Bà D đồng ý cho M mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe LEAD, biển số 98H1- 095.99 của con dâu là chị Vũ Thị N ở cùng nhà với bà, vợ chồng chị N đi làm ăn xa giao xe cho bà quản lý. Bà D có bảo M là cho mượn xe đến ngày 30/9/2016 sau khi làm canh hầu xong sẽ lấy lại xe. Sau khi mượn được xe mô tô của bà D, ngày 28/9/2017 do cần tiền sử dụng cá nhân nên M đã đem đi thế chấp cho anh Nguyễn Văn Đ, trú tại thôn ĐC, xã TH1, huyện L để vay số tiền là 20.000.000đ. Khi đem xe đi thế chấp vay tiền, M không hỏi ý kiến của bà D. Ngày 30/9/2016 bà D cùng M đi xe ô tô đến Đền KB để làm canh hầu. Sau khi xong việc bà D cùng M về nhà M và bà D đã ngủ lại nhà của M. Đến buổi sáng hôm sau, bà D dậy có hỏi M xe của chị dâu để chị lấy đi về nhà thì M nói là đi sắm lễ thiếu tiền lên đã cầm cho anh Đ ở xã TH1 rồi. Bà D có nói “đấy không phải xe của tôi mà là xe của con dâu tôi” thì M nói “mai sẽ mang xe vào trả”. Hôm sau không thấy M đem xe vào trả bà D có gọi điện

thoại, M lại hẹn vài hôm nữa sẽ đem trả. Sau nhiều lần gặp M để đòi xe nhưng M không trả nên ngày 05/12/2016 bà D có đơn đề nghị gửi Công an huyện L. Ngày 18/7/2017 bị cáo Lương Thị M bị bắt để tạm giam.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐ ngày 09/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da loại xe LEAD, biển kiểm soát 98H1- 095.99 tại thời điểm chiếm đoạt là 27.200.000đồng.

Bản Cáo trạng số 72/KSĐT ngày 6/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Lương Thị M về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự

Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 23/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lương Thị M phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị M 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lương Thị M và anh Nguyễn Văn Đ, sự ghi nhận cụ thể như sau: Bị cáo Lương Thị M phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn giải quyết xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 29/9/2017 bị cáo Lương Thị M nộp đơn kháng cáo tại Trại Tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang. Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo M giữ nguyên yêu cầu kháng xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin rút yêu cầu truy tố đối với bị cáo, sau khi bị bắt, gia đình bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng trả cho anh Đ. Hiện tại chồng bị cáo đã chết, bị cáo có 4 con, trong đó có 1 con sinh năm 2005 không có ai nuôi dưỡng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng không được sự khoan hồng của Nhà nước. Đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho Trại tạm giam trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho bị cáo. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thấy bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Do đó không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã trả cho anh Đ 20.000.000 đồng nộp tại Cơ quan điều tra. Do đó bị cáo không phải chịu án phí dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 249 của BLTTHS năm 2003. Xử: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo, xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Sửa án sơ thẩm về án phí dân sự: Bị cáo M không phải chịu tiền án phí dân sự.

- Bị cáo tranh luận: Đối với hành vi cầm cố tài sản của anh Đ là chiếc xe mô tô không có giấy tờ mà không xử lý anh Đ là không đúng, anh Đ không tự nguyện giao nộp xe, mô tô cho Cơ quan điều tra.

- Viện kiểm sát đối đáp: Hành vi cầm cố xe mô tô của anh Đ đã bị xử lý hành chính, theo biên bản nộp vật chứng thì anh Đ tự nguyện nộp lại xe mô tô cho Cơ quan điều tra.

- Bị cáo không tranh luận đối đáp gì thêm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt đề sớm được về cùng gia đình và chăm sóc con của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Thị M được nộp cho Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang ngày 29/9/2017 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lương Thị M: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai

nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ, ngày 27/9/2016, tại gia đình bà Lý Thị D ở thôn C, xã KL, huyện L, Lương Thị M đã hỏi mượn bà D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu xanh, biển kiểm soát 98H1- 09599, có trị giá 27.200.000 đồng để đi sắm lễ. Sau khi mượn được xe mô tô của bà D do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô mà bị cáo mượn của bà D. Để thực hiện ý định trên, bị cáo M đã đem chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu xanh, biển kiểm soát 98H1- 09599 đã mượn của bà D trước đó cầm cố cho anh Nguyễn Văn Đ để lấy số tiền tiền 20.000.000 đồng bị cáo đã dùng số tiền này vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng tội, không oan.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt thì thấy: Bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã bị thu hồi, trả lại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin rút đơn đã gửi Công an huyện L (BL 84) và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (BL100, 218), về trách nhiệm dân sự, gia đình bị cáo đã trả lại anh Đ 20.000.000 đồng nộp cho Cơ quan điều tra; bố bị cáo là ông Lương Đình C và mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị B là người có công trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đã được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện chồng đã chết, có 2 con nhỏ dưới 18 tuổi không có ai chăm sóc. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 tháng tù là nghiêm khắc, cần áp dụng chính sách khoan hồng của Nhà nước theo qui định tại Điều 3 của Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Do bị cáo đang bị tạm giam, nên áp dụng khoản 3 Điều 243 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 tiếp tục tạm giam bị cáo một thời gian bằng hình phạt tù còn lại để đảm bảo thi hành án.

Tuy nhiên về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 20.000.000 đồng mà anh đã đưa cho bị cáo để cầm cố chiếc xe mô tô. Chị Lương Thị T là chị gái của bị cáo M đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L số tiền 20.000.000 đồng ngày 31/7/2017 để trả cho anh

Nguyễn Văn Đ. Số tiền này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Do đó cần xác nhận bị cáo đã trả xong cho anh Đ.

Do bị cáo đã trả xong tiền cho anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Vì vậy bị cáo không phải chịu án phí Dân sự.

Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm về hình phạt tù và án phí dân sự theo hướng giảm nhẹ một phạt hình phạt cho bị cáo và không phải chịu án phí dân sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận. Nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Thị M.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 23/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Thị M phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

- Về áp dụng điều luật: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị M 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự. Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lương Thị M phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền này để trả anh Đ tại giai đoạn điều tra và đã được Cơ quan điều tra Công an huyện L chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu số AA/2010/009971 ngày 11/9/2017.

[2]. Về án phí: Bị cáo Lương Thị M không phải chịu tiền án phí Dân sự và tiền án phí Hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 23/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Dương Thế Vinh